

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hồng Xuân

2/ Bà Châu Thị Khấp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2017/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 61, xã TB, huyện TH, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M là bà Nguyễn Thị Thanh N – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Thanh N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã TP, huyện TH, Long An.

(Bà M, bà N có mặt, ông L vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M yêu cầu khởi kiện: Thông qua mai mối và sự sắp đặt của hai bên gia đình, bà M và ông Nguyễn Ngọc L chung sống vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh Long An năm 2005. Quá trình vợ chồng bà M chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông L suốt ngày tụ tập bạn bè để rượu chè ăn nhậu, không lo làm ăn, không quan tâm và bỏ mặc vợ con, đi làm tiền kiếm được bao nhiêu thì ăn nhậu hết bấy nhiêu, không có tiền thì nhậu thiếu gây ra nợ nần, một mình bà M phải vừa làm kiếm tiền để nuôi con vừa phải trả nợ tiền ăn nhậu của ông L. Bà M đã nhiều lần khuyên ông L lo làm ăn để xây dựng gia đình và nuôi dạy con nhưng ông L vẫn không chịu sửa đổi, ngược lại còn kiếm chuyện để chửi mắng và đuổi bà M ra khỏi nhà nên bà M đã bỏ về cha mẹ ruột của bà sống từ tháng 5/2010 cho đến nay thì ông L bỏ mặc không quan tâm. Từ khi ly thân đến nay, hàng tháng bà M đều thăm nom, chăm sóc con chung. Bà M thấy rằng, bà và ông L không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, bà và ông L bỏ mặc nhau muốn sống sao thì sống, tình cảm đã lạnh nhạt không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc L chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Văn Da K, sinh ngày 31/01/2005; Giới tính: Nam. Từ khi ly thân đến nay, con chung do ông L nuôi dưỡng, khi ly hôn bà M đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi con, bà M không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông L các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông L không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, đồng thời ông L cũng không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L đối với yêu cầu khởi kiện của bà M và vụ án không tiến hành hòa giải được.

Luật sư phát biểu quan điểm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn như sau:

Qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị M có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà và thực tế khách quan thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông L có thời gian ly thân từ năm 2010 đến nay, quá trình ly thân cả bà M và ông L đều không có thiện chí hàn gắn, hai bên đã ly thân nhau trong thời gian dài nhưng không hàn gắn được, giữa bà M và ông L đều có đời sống độc lập, bỏ mặc nhau không ai quan tâm đến ai nên khả năng để bà M và ông L hàn gắn là không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn với ông L là phù hợp với thực tế khách quan.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc L có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Da K, sinh ngày 31/01/2005; Giới tính: Nam. Hiện nay cháu đang do ông L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K đã có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường, được học hành đầy đủ, đảm bảo lợi ích về mọi mặt. Ngoài ra, cháu K có nguyện vọng ở với ông L khi ông L và bà M ly hôn, do bà M đi làm công nhân không ổn định về chỗ ở cũng như các điều kiện khác để đảm bảo quyền lợi của con chung nên bà M đề nghị giao con cho ông L nuôi là hợp lý. Đối với vấn đề cấp dưỡng thì do ông L không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà M nên xem như là không có yêu cầu về cấp dưỡng, mặt khác bà M trình bày rằng cha mẹ phải tự giác có trách nhiệm nuôi dạy con chung và mặc dù bà và ông L ly thân nhưng bà vẫn thường xuyên thăm nom chăm sóc và chu cấp tiền cho cháu K ăn học nên việc bà M đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con là hợp lý.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích đánh giá nói trên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Nguyễn Thị M cung cấp:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc L (bản sao).
- 01 Giấy khai sinh cháu Nguyễn Văn Da K (bản sao).

Chứng cứ do ông Nguyễn Ngọc L cung cấp: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc L chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh Long An, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại Khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn Nguyễn Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương, nên bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng*: Do ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L.

[4] *Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M*:

[4.1] *Về tình tiết mâu thuẫn dẫn đến ly hôn*: Nguyên nhân chính dẫn đến việc bà M yêu cầu ly hôn với ông L là do bà M cho rằng bà và ông L bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông L suốt ngày tụ tập bạn bè để rượu chè ăn nhậu, không lo làm ăn, không quan tâm và bỏ mặc vợ con, đi làm tiền kiếm được bao nhiêu thì ăn nhậu hết bấy nhiêu, không có tiền thì nhậu thiếu gây ra nợ nần, một mình bà M phải vừa làm kiếm tiền để nuôi con vừa phải trả nợ tiền ăn nhậu của ông L. Bà M đã nhiều lần khuyên ông L lo làm ăn để xây dựng gia đình và nuôi dạy con nhưng ông L vẫn không chịu sửa đổi, ngược lại còn kiếm chuyện để chửi mắng và đuổi bà M ra khỏi nhà nên bà M đã bỏ về cha mẹ ruột của chị sống từ tháng 5/2010 cho đến nay thì ông L bỏ mặc không quan tâm. Từ khi ly thân đến nay, hàng tháng bà M đều thăm nom, chăm sóc con chung. Qua lời trình bày của bà M trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa hôm nay cho thấy mâu thuẫn mà bà M yêu cầu ly hôn với ông L là đúng như lời bà M trình bày, vì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho ông L biết về yêu cầu khởi kiện của bà M đồng thời triệu tập ông L đến để hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng ông, nhưng ông L thờ ơ không quan tâm, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M và cũng không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập có nghĩa là ông L thừa nhận những gì bà M trình bày là đúng.

[4.2] *Về thời gian ly thân, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng và tính chất mâu thuẫn trong hôn nhân*: Bà M và ông L đã ly thân nhau trong thời gian

dài từ tháng 5/2010 đến nay hai bên không hàn gắn lại được, cả hai bên đều có cuộc sống riêng của mình, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, bà M và ông L bỏ mặc nhau muốn sống sao thì sống nên khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ là không còn. Qua khả năng hàn gắn tình cảm đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông L là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà M và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà M đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M xử cho bà M được ly hôn với ông L là hợp lý theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung*: Cháu Nguyễn Văn Da K, sinh ngày 31/01/2005; Giới tính: Nam. Từ khi ly thân đến nay do ông L nuôi dưỡng, khi ly hôn bà M đồng ý giao cho ông L trực tiếp nuôi con, bà M không cấp dưỡng nuôi con vì bà M cho rằng trách nhiệm nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, từ trước đến nay cho dù trước đây lúc đang còn chung sống hạnh phúc cho đến khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay bà đều thăm nom, chăm sóc, động viên và chu cấp tiền cho con ăn học đàng hoàng. Thấy rằng, cháu Nguyễn Văn Da K có nguyện vọng ở với ông L, từ khi bà M và ông L ly thân nhau vào tháng 5/2010 đến nay cháu K do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K vẫn phát triển tốt, đảm bảo lợi ích về mọi mặt, ngoài ra do bà M đi làm công nhân xa nhà, không có chỗ ở ổn định nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt bằng ông L, nên để cháu K phát triển ổn định và đảm bảo quyền lợi thì việc giao cháu K cho ông L trực tiếp nuôi là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K. Đối với vấn đề cấp dưỡng do ông L không có yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà M vẫn tự giác thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái nên không buộc bà M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Tài sản chung, nợ chung*: Bà M xác định không có và không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Qua quá trình phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án kết hợp quá trình tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M là có căn cứ để chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 20 Luật phí, và lệ phí; điểm a, Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Da K, sinh ngày 31/01/2005; Giới tính: Nam. Bà Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0003872 ngày 20/12/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị M có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Ngọc L vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hóa;
- UBND xã TP, huyện TH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Phan Đình Ngân